






BẢN TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU


| Tiêu chí, chỉ tiêu | Nội dung, cách tính điểm | Điểm số tối đa | Căn cứ chấm điểm | | Điểm số tự chấm | Chữ ký của công chức phụ trách |
|-----------------------|---|----------------------|--|----------------|-----------------------|---|
| | | | Số liệu thực hiện | Tỷ lệ đạt được | | |
| Tiêu chí 1 | Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn | 10 | | | 10 | |
| Chỉ tiêu 1 | Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao <i>(Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật được tính 03 điểm)</i> | 3 | Trong năm đánh giá đã ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật | | 3 |  Nguyễn Thị Mỹ Dung |
| | 1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá | 1 | | | | |
| | a) Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật | 1 | | | | |
| | b) Không ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên | 0 | | | | |
| | 2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá | 2 | | | | |
| | a) Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật | 2 | | | | |
| | b) Ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên trái pháp luật và bị cơ quan có thẩm quyền xử lý | 0 | | | | |
| Chỉ tiêu 2 | Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là văn bản hành chính) <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền,</i> | 7 | | | 7 |  Nguyễn Thị Mỹ Dung |



| | | | | | | |
|-------------------|--|------|----------------------------|------|-----|---|
| | thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản hành chính đã ban hành trong năm đánh giá) x 100 | | | | | |
| | a) Đạt 100% | 7 | 1307 văn bản /1307 văn bản | 100% | | |
| | b) Từ 95% đến dưới 100% | 6 | | | | |
| | c) Từ 90% đến dưới 95% | 5 | | | | |
| | d) Từ 85% đến dưới 90% | 4 | | | | |
| | d) Từ 80% đến dưới 85% | 3 | | | | |
| | e) Từ 75% đến dưới 80% | 2 | | | | |
| | g) Từ 70% đến dưới 75% | 1 | | | | |
| | h) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | | |
| | i) Dưới 50% | 0 | | | | |
| Tiêu chí 2 | Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật | 30 | | | 30 | |
| Chỉ tiêu 1 | Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn | 6 | | | 6 |  Hoàng Thị Kim Châu |
| | 1. Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (sau đây gọi chung là Danh mục thông tin) theo đúng quy định pháp luật | 1 | | | 1 | |
| | a) Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai và thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật | 0,5 | | | 0,5 | |
| | b) Đăng tải Danh mục thông tin (xã, phường, thị trấn có Công hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của | 0,5 | | | 0,5 | |



| | | | | |
|--|------|--|-----|--|
| chính quyền cấp xã (xã, phường, thị trấn chưa có Công hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng hình thức phù hợp khác | | | | |
| 2. Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm | | | | |
| <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i> | 1,5 | | 1,5 | |
| a) Đạt 100% | 1,5 | | | |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 | | | |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 | | | |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 | | | |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | |
| e) Dưới 50% | 0 | | | |
| 3. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ | | | | |
| <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i> | 2 | | 2 | |
| a) Đạt 100% | 2 | | | |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1,5 | | | |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 | | | |
| d) Từ 70 đến dưới 80% | 0,5 | | | |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | |
| e) Dưới 50% | 0 | | | |
| 4. Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật | | | | |
| <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i> | 1,5 | | 1,5 | |
| a) Đạt 100% | 1,5 | | | |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 | | | |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 | | | |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 | | | |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | |

| | 0 | Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin | 5 | |
|---|------|--|---|--|
| e) Dưới 50% Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin (Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 05 điểm) | 0 | | 5 |  Hoàng Thị Kim Châu |
| 1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn $Tỷ lệ \% = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn / Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) \times 100$ | 1,5 | | | |
| a) Đạt 100% | 1,5 | | | |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 | | | |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 | | | |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 | | | |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | |
| e) Dưới 50% | 0 | | | |
| 2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ $Tỷ lệ \% = (Tổng số thông tin đã cung cấp chính xác, đầy đủ / Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) \times 100$ | 2 | | | |
| a) Đạt 100% | 2 | | | |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1,5 | | | |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 | | | |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 | | | |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | |
| e) Dưới 50% | 0 | | | |
| 3. Hình thức cung cấp thông tin đúng quy định pháp luật $Tỷ lệ \% = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật / Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) \times 100$ | 1,5 | | | |
| a) Đạt 100% | 1,5 | | | |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 | | | |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 | | | |

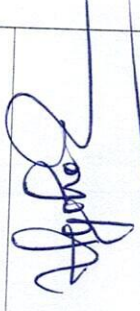

| | | | | | | |
|-------------------|--|----------|--|--|--|---|
| | d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 | | | | |
| | đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | | |
| | e) Dưới 50% | 0 | | | | |
| Chỉ tiêu 3 | Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật | 8 | | | 8 | Nguyễn Thị Mỹ Dung  |
| | 1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên | 2 | | | 2 | |
| | a) Ban hành Kế hoạch trong 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật | 2 | | | | |
| | b) Ban hành Kế hoạch sau 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật | 1 | | | | |
| | c) Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành Kế hoạch nhưng không đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên | 0 | | | | |
| | 2. Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch (trừ nội dung của chỉ tiêu 5 của tiêu chí này): | | | | | |
| | <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế / Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100</i> | 4 | | | 4 | |
| | a) Đạt 100% | 4 | | | | |
| | b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 | | | | |
| | c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 | | | | |
| | d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 | | | | |
| | đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | | |
| | e) Dưới 50% | 0 | | | | |
| | 3. Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên | 2 | | | Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, | 2 |
| | <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành</i> | | | | | |


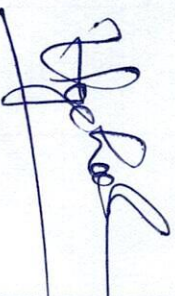
| <p>hình thức/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên) x 100 (Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm)</p> | <p>2 1,5 1 0,5 0,25 0</p> | <p>hướng dẫn của cơ quan cấp trên</p> | <p>5</p> |
|--|---|---|--|
| <p>Chỉ tiêu 4 Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở</p> <p>a) Có từ 02 (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên</p> <p>b) Có 01 (một) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả</p> | <p>5 5</p> | <p>- Trang Phổ biến, tuyên truyền pháp luật Phường 1, - Tuyên truyền qua Đội ngũ tuyên truyền viên, Khu phố - Tuyên truyền thông qua Hội nghị</p> | <p>5</p> <p style="text-align: right;"></p> <p style="text-align: right;">Nguyễn Thị Mỹ Dung</p> |



| | | | | | | |
|------------|--|---|------|---|---|--------------------|
| | c) Không có hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả | 0 | | | | |
| Chỉ tiêu 5 | Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ tuyên\ truyền\ viên\ pháp\ luật\ được\ tập\ huấn,\ bồi\ dưỡng / Tổng\ số\ tuyên\ truyền\ viên\ pháp\ luật\ của\ cấp\ xã) \times 100$ | 3 | | 3 |  | Nguyễn Thị Mỹ Dung |
| | | a) Đạt 100% | 3 | | | |
| | | b) Từ 90% đến dưới 100% | 2 | | | |
| | | c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 | | | |
| | | d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 | | | |
| | | đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | |
| | e) Dưới 50% | 0 | | | | |
| Chỉ tiêu 6 | Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật | 3 | | 3 |  | Nguyễn Thị Thu Yên |
| | | a) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chi tiêu 3 của tiêu chí này | 3 | | | |
| | | b) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chi tiêu 3 của tiêu chí này | 2 | | | |
| | | c) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 80% đến dưới 90% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chi tiêu 3 của tiêu chí này | 1 | | | |
| | | d) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 70% đến dưới 80% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chi tiêu 3 của tiêu chí này | 0,5 | | | |
| | | đ) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 50% đến dưới 70% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chi tiêu 3 của tiêu chí này | 0,25 | | | |
| | e) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện dưới 50% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chi tiêu 3 của tiêu chí này | 0 | | | | |

| Tiêu chí 3 | Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý | 15 | 14 | |
|---------------|--|----|----|---|
| Chi tiêu 1 | <p>Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải) (Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được tính 07 điểm)</p> <p>1. Các vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở</p> <p>Tỷ lệ % = $(\text{Tổng số vụ, việc đã hòa giải đúng quy định}/\text{Tổng số vụ, việc đã tiếp nhận}) \times 100$</p> <p>a) Đạt 100%</p> <p>b) Từ 90% đến dưới 100%</p> <p>c) Từ 80% đến dưới 90%</p> <p>d) Từ 70% đến dưới 80%</p> <p>đ) Từ 50% đến dưới 70%</p> <p>e) Dưới 50%</p> <p>2. Các vụ, việc hòa giải thành</p> <p>Tỷ lệ % = $(\text{Tổng số vụ, việc hòa giải thành}/\text{Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải}) \times 100$</p> <p>a) Đạt 100%</p> <p>b) Từ 90% đến dưới 100%</p> <p>c) Từ 80% đến dưới 90%</p> <p>d) Từ 70% đến dưới 80%</p> <p>đ) Từ 50% đến dưới 70%</p> <p>e) Dưới 50%</p> | 7 | 6 |  Nguyễn Thị Mỹ Dung |
| Chi tiêu 2 | <p>Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở</p> | 4 | 4 |  Nguyễn Thị Thu Yến |


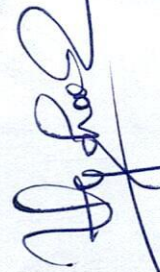
| | | | | | | | |
|---------------|--|------|---|---|--|-----|--------------------|
| | 1. Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định | 1 | | | | 1 | |
| | 2. Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền | | | | | | |
| | Tỷ lệ % = $(\text{Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định} / \text{Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn}) \times 100$ | 1,5 | | | | 1,5 | |
| | a) Đạt 100% | 1,5 | | | | | |
| | b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 | | | | | |
| | c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 | | | | | |
| | d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 | | | | | |
| | d) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | | | |
| | e) Dưới 50% | 0 | | | | | |
| | 3. Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền | | | | | | |
| | Tỷ lệ % = $(\text{Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên đúng mức chi theo quy định} / \text{Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết}) \times 100$ | 1,5 | | | | 1,5 | |
| | a) Đạt 100% | 1,5 | | | | | |
| | b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 | | | | | |
| | c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 | | | | | |
| | d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 | | | | | |
| | d) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | | | |
| | e) Dưới 50% | 0 | | | | | |
| Chỉ tiêu 3 | Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý | | | | | | |
| | Tỷ lệ % = $(\text{Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý} / \text{Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý}) \times 100$ | 4 | Trong năm không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý | 4 | | | |
| | | | | | | | Nguyễn Thị Mỹ Dung |

| | | | | | | |
|-------------------|---|-----------|--|--|--|--|
| | số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ, việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định) x 100 (Trong năm không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được tính 04 điểm) | | | | | |
| | a) Đạt 100% | 4 | | | | |
| | b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 | | | | |
| | c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 | | | | |
| | d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 | | | | |
| | d) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | | |
| | e) Dưới 50% | 0 | | | | |
| Tiêu chí 4 | Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn | 20 | | | | |
| Chỉ tiêu 1 | Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương | 3 | | | |  |
| | 1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân | 2 | | | | Hoàng Thị Kim Châu |
| | a) Có tổ chức hội nghị | 2 | | | | |
| | b) Không tổ chức hội nghị | 0 | | | | |
| | 2. Thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị theo đúng quy định pháp luật | 1 | | | | |
| | a) Thông báo đúng thời hạn, đúng hình thức | 1 | | | | |
| | b) Không thông báo hoặc có thông báo nhưng không đúng thời hạn hoặc không đúng hình thức | 0 | | | | |
| Chỉ tiêu 2 | Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị | 4 | | | |  |

| | | | | | |
|--|--|------|--|---|---|
| | <p>trần</p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp dùng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp) x 100</p> | | | | |
| | a) Đạt 100% | 4 | | | |
| | b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 | | | |
| | c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 | | | |
| | d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 | | | |
| | d) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | |
| | e) Dưới 50% | 0 | | | |
| | <p>Tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, biểu quyết dùng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết) x 100</p> | 4 | | 4 |  Hoàng Thị Kim Châu |
| | a) Đạt 100% | 4 | | | |
| | b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 | | | |
| | c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 | | | |
| | d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 | | | |
| | d) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | |
| | e) Dưới 50% | 0 | | | |
| | <p>Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn</p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến dùng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu, thông báo việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dân theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến) x 100</p> | 4 | | 4 |  Hoàng Thị Kim Châu |

| | | | | | |
|-------------------|--|-----------|--|--|---|
| | a) Đạt 100% | 4 | | | |
| | b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 | | | |
| | c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 | | | |
| | d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 | | | |
| | đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | |
| | e) Dưới 50% | 0 | | | |
| Chỉ tiêu 5 | Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn | 5 | | |  Hoàng Thị Kim Châu |
| | 1. Các nội dung để Nhân dân giám sát | 4 | | | |
| | a) Tổ chức giám sát từ 04 (bốn) nội dung trở lên | 4 | | | |
| | b) Tổ chức giám sát 03 (ba) nội dung | 3 | | | |
| | c) Tổ chức giám sát 02 (hai) nội dung | 2 | | | |
| | d) Tổ chức giám sát 01 (một) nội dung | 1 | | | |
| | đ) Không tổ chức giám sát | 0 | | | |
| | 2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng | 1 | | | |
| Chỉ tiêu 5 | Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội | 25 | | | |
| Chỉ tiêu 1 | Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo | 7 | | | |
| | 1. Tổ chức tiếp công dân | 3 | | |  Hoàng Thị Kim Châu |

| | | | | |
|---|------|---|------|---|
| a) Có nội quy tiếp công dân | 0,5 | | 0,5 | |
| b) Bố trí địa điểm, các điều kiện cần thiết, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại trụ sở | 0,5 | | 0,5 | |
| c) Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có) | 1 | | 1 | |
| d) Phối hợp xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân | 1 | | 1 | |
| 2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh | | 24 kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật/24 kiến nghị, phản ánh đã được tiếp nhận | 100% | 2 |
| Tỷ lệ % = $(\text{Tổng số kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật} / \text{Tổng số kiến nghị, phản ánh đã được tiếp nhận}) \times 100$ (Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm) | 2 | | | |
| a) Đạt 100% | 2 | | | 2 |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1,5 | | | |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 | | | |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 | | | |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 | | | |
| e) Dưới 50% | 0 | | | |
| 3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo | | Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo | | 2 |
| Tỷ lệ % = $(\text{Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định pháp luật} / \text{Tổng số khiếu nại, tố cáo đã điều kiện giải quyết đã được tiếp}$ | 2 | | | 2 |

| | | | | | |
|---------------|--|--|---|-----------|---|
| Chi tiêu 2 | <p><i>nhận) x 100</i></p> <p><i>(Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo được tính 02 điểm)</i></p> <p>a) Đạt 100%</p> <p>b) Từ 90% đến dưới 100%</p> <p>c) Từ 80% đến dưới 90%</p> <p>d) Từ 70% đến dưới 80%</p> <p>đ) Từ 50% đến dưới 70%</p> <p>e) Dưới 50%</p> <p>Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i></p> <p>a) Đạt 100%</p> <p>b) Từ 95% đến dưới 100%</p> <p>c) Từ 90% đến dưới 95%</p> <p>d) Từ 85% đến dưới 90%</p> <p>đ) Từ 80% đến dưới 85%</p> <p>e) Từ 75% đến dưới 80%</p> <p>g) Từ 70% đến dưới 75%</p> <p>h) Từ 50% đến dưới 70%</p> <p>i) Dưới 50%</p> | 2 1,5 1 0,5 0,25 0 | | | |
| Chi tiêu 3 | <p>Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự</p> | 7 6 5 4 3 2 1 0,25 0 | 4572 thủ tục đã giải quyết/4572 thủ tục tiếp nhận | 7 100% |  Hoàng Thị Kim Châu |
| | | 5 | | 5 |  Hoàng Thị Kim Châu |

| | | | | | |
|-------------------|---|------------|--|-----------|--------------|
| | a) Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự | 5 | | | |
| | b) Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự | 0 | | | |
| Chỉ tiêu | Đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội | 6 | Quyết định số 3307/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 | 6 | Hồ Chí Cường |
| | a) Đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" | 6 | | | |
| | b) Không đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" | 0 | | | |
| TỔNG CỘNG: | | 100 | | 99 | |

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Ngô Hữu Bay

NGƯỜI THỰC HIỆN

Nguyễn Thị Mỹ Dung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 1**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phường 1, ngày 03 tháng 01 năm 2025

**BẢN TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA NHÂN DÂN,
KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ KẾT QUẢ
ĐÁNH GIÁ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Trên cơ sở ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn, Ủy ban nhân dân Phường 1 tổng hợp, tiếp thu, giải trình như sau: Không có ý kiến phản ánh, kiến nghị

CHỦ TỊCH

NGƯỜI THỰC HIỆN



Ngô Hữu Bảy

Nguyễn Thị Mỹ Dung

Phường 1, ngày 03 tháng 01 năm 2025

BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

**Về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả
tại cơ sở**

1. Tổng số hình thức, mô hình đưa ra lấy ý kiến đánh giá: 03 hình thức
2. Tổng số ý kiến đánh giá: 16 ý kiến
3. Kết quả tổng hợp:

| STT | Tên hình thức, mô hình (1); nội dung đánh giá | Kết quả đánh giá | | | |
|-----|--|---------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------------|
| | | Số ý kiến đồng ý | Tỷ lệ % đồng ý (2) | Số ý kiến không đồng ý | Tỷ lệ % không đồng ý (3) |
| 1 | Hình thức: Phổ biến, giáo dục pháp luật qua các Hội nghị | 16/16 | 100% | 0 | 0% |
| a | Được triển khai trên toàn địa bàn | | | | |
| b | Được duy trì thường xuyên, liên tục | | | | |
| c | Có khả năng nhân rộng | | | | |
| 2 | Hình thức: Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật do Đội ngũ Tuyên truyền viên pháp luật của phường, qua hệ thống loa truyền thanh khu phố | 16/16 | 100% | 0 | 0% |
| a | Được triển khai trên toàn địa bàn | | | | |
| b | Được duy trì thường xuyên, liên tục | | | | |
| c | Có khả năng nhân rộng | | | | |
| 3 | Hình thức: Đăng tải các bản tin, thông tin, quy định của pháp luật trên Cổng thông tin điện tử phường 1, trên trang Facebook Phổ biến, tuyên truyền pháp luật Phường 1.... | 16/16 | 100% | 0 | 0% |
| a | Được triển khai trên toàn địa bàn | | | | |

| | | | | | |
|---|-------------------------------------|--|--|--|--|
| b | Được duy trì thường xuyên, liên tục | | | | |
| c | Có khả năng nhân rộng | | | | |

Ghi chú:

- (1) Tên hình thức, mô hình tại mục 1, mục 2 do Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp.
- (2) Tỷ lệ % = Số ý kiến đồng ý/Tổng số ý kiến đánh giá x 100.
- (3) Tỷ lệ % = Số ý kiến không đồng ý/Tổng số ý kiến đánh giá x 100.

CHỦ TỊCH

 Ngô Hữu Bảy

NGƯỜI TỔNG HỢP



Nguyễn Thị Mỹ Dung



Phường 1, ngày 03 tháng 01 năm 2025

**BIÊN BẢN
HỌP XEM XÉT, ĐÁNH GIÁ, THỐNG NHẤT KẾT QUẢ
PHƯỜNG ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Hôm nay, vào hồi 09 giờ 00 ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Chúng tôi gồm:

1. Ông Ngô Hữu Bảy, Chủ tịch UBND Phường: Chủ trì cuộc họp;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, Công chức Tư pháp - Hộ tịch: Thư ký
3. Ông Hồ Chí Cường: Trưởng Công an Phường;
4. Bà Hoàng Thị Kim Châu, Công chức Văn phòng - Thống kê;
5. Ông Nguyễn Công Nguyên, Công chức Địa chính - Xây dựng;
6. Bà Nguyễn Thị Thu Yến, Công chức Kế toán - Tài chính;
7. Ông Tạ Văn Thành, Công chức Văn hóa - Xã hội;
8. Ông Nguyễn Xuân Trường, Chủ tịch UBMTTQ;
9. Ông Phan Nam, Chủ tịch Hội Nông dân;
10. Ông Trương Khắc Vĩnh, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
11. Bà Nguyễn Nữ Mai Linh, Bí thư Đoàn Thanh niên;
12. Bà Lê Thị Tố Linh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ.
13. Ông Nguyễn Nhâm, Chủ tịch Hội người cao tuổi
14. Khu phố trưởng của 10 Khu phố

Hội đồng đã họp và thống nhất những nội dung sau:

1. Xét theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Về xét số điểm của các tiêu chí

| TT | Tiêu chí | Số điểm |
|----|------------|---------|
| 1 | Tiêu chí 1 | 10 |
| 2 | Tiêu chí 2 | 30 |

| | | |
|------------------|------------|----|
| 3 | Tiêu chí 3 | 14 |
| 4 | Tiêu chí 4 | 20 |
| 5 | Tiêu chí 5 | 25 |
| Tổng điểm | | 99 |

3. Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- Số tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 05/05 tiêu chí.
- Tổng số điểm đạt được của các tiêu chí: 99/100 điểm.
- Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền phường bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đáp ứng được 03/03 điều kiện.

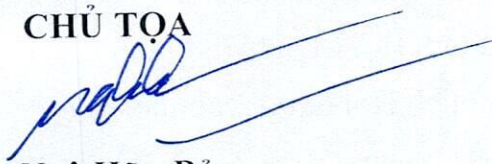
4. Kết luận

- Phường 1 đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.
- Hội đồng nhất trí và đề nghị Chủ tịch/Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 1 xem xét và ký duyệt hồ sơ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà xem xét công nhận Phường 1 đạt phường chuẩn tiếp cận pháp luật.

Hội nghị kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 03 tháng 01 năm 2025 .

Biên bản này được lập thành 02 bản, gửi 01 bản cho Phòng Tư pháp thành phố Đông Hà và 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân Phường 1./.

CHỦ TỌA



Ngô Hữu Bảy

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Mỹ Dung

Số: 04 /BC-UBND

Phường 1, ngày 03 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả và đề nghị công nhận Phường 1 đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

I. Kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Về chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện

UBND Phường luôn quan tâm chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; nghiêm túc tổ chức thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tư pháp; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 07/02/2024 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn phường năm 2024.

2. Kết quả tự chấm điểm, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu

a) Đối với tiêu chí 1:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 02/02 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 10/10 điểm.

b) Đối với tiêu chí 2:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 06/06 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 30/30 điểm.

c) Đối với tiêu chí 3:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 02/03 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 03/03 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 14/15 điểm.

d) Đối với tiêu chí 4:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 05/05 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 20/20 điểm.

đ) Đối với tiêu chí 5:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 04/04 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 25/25 điểm.

3. Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- Số tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 05/05 tiêu chí.
- Tổng số điểm đạt được của các tiêu chí: 99/100 điểm.

c) Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền phường bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

d) Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đáp ứng được 03/03 điều kiện.

II. Những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu và đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất giải pháp khắc phục

1. Thuận lợi

Vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng được đầu tư; trình độ dân trí khá cao nên thuận lợi trong quá trình thực hiện một số tiêu chí tiếp cận pháp luật và để đánh giá, công nhận, xây dựng cấp phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương.

Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp là công cụ để đánh giá toàn diện thực trạng tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở. Từ kết quả đánh giá, UBND Phường có điều kiện nắm bắt, nhìn nhận toàn diện hơn về thực trạng, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ về giải quyết TTHC; cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân đối với thông tin pháp luật; thực hiện dân chủ cơ sở; phát huy dân chủ ở cơ sở, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn phường để có biện pháp khắc phục nhằm thực hiện các nhiệm vụ đó hiệu quả hơn. Đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới tại địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Việc quán triệt, tổ chức triển khai nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg chưa thực sự sâu rộng, thường xuyên; các hoạt động liên quan đến đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi được triển khai còn gặp lúng túng; sự phối hợp giữa các bộ phận, ban ngành trong triển khai nhiệm vụ xây dựng phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nói chung, trong đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nói riêng còn hạn chế.

Nguồn lực để đảm bảo thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật còn thiếu và chưa được tập huấn thường xuyên. Hiện nay Công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện nhiều chức năng, nhiệm vụ trong đó trọng tâm là công tác hộ tịch, chúng thực phải thực hiện thường xuyên, liên tục nên chưa dành nhiều thời gian để tham mưu triển khai xây dựng và tự đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Dân số đông, số lượng giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND phường lớn nên đòi hỏi mỗi cán bộ, công chức phải nhận thức đúng đắn và đầy đủ về mục đích, ý nghĩa, vị trí, vai trò của chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, để từ đó thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ có liên quan; tổ chức thực thi tốt các hoạt động công vụ thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trong đó chú trọng tuyên truyền các quy định của pháp luật liên quan đến các thủ tục hành chính, đặc biệt các thủ tục được người dân quan tâm nhiều đó là thủ tục hành chính về đất đai, hôn nhân gia đình, dân sự, bình đẳng giới và quy ước tại khu dân cư....

Cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang bị phương tiện, bố trí nguồn lực để xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, trên cơ sở đó công dân mới có thể tiếp cận pháp luật; trong đó có tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính tư pháp được thuận tiện và nhanh chóng.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường rà soát đề xuất kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bãi bỏ các quy định của pháp luật, các thủ tục hành chính không phù hợp, các giấy tờ không cần thiết...

Nâng cao năng lực, kỹ năng cho cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND phường; đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi trong thực hiện thủ tục hành chính

Đẩy mạnh niêm yết các thủ tục hành chính tại các khu phố; tăng cường phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền hướng dẫn thực hiện các thủ tục hành chính cho người dân.

III. Mục tiêu, kế hoạch thực hiện

1. Mục tiêu thực hiện

Đáp ứng đầy đủ các điều kiện công nhận phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024.

2. Kế hoạch thực hiện

- Đối với chỉ tiêu các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở:

Xác định công tác hòa giải ở cơ sở là một trong những nhiệm vụ trọng tâm góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội nhằm tăng cường trách nhiệm, tranh thủ sự chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở.

Nâng cao chất lượng các tổ hòa giải cơ sở, thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải để đội ngũ cán bộ hòa giải có thêm kiến thức pháp luật, làm tốt vai trò “trung gian”, hạn chế những mâu thuẫn phát sinh trong nội bộ nhân dân, tránh khiếu kiện đông người, hạn chế phát sinh các vụ việc phức tạp.

- Đối với chỉ tiêu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính

Duy trì việc niêm yết công khai các thủ tục hành chính mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới để triển khai thực hiện ở địa phương; phục vụ nhu cầu tra cứu của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp khi tới giao dịch.

Đảm bảo việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo đúng nội dung, trình tự đã được công bố, công khai và các quy định pháp luật có liên quan; không yêu cầu thêm giấy tờ ngoài thành phần hồ sơ đã quy định; chủ động khắc phục hoặc đề xuất các giải pháp khắc phục các nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ, đảm bảo trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn cho cá nhân, tổ chức.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, sự năng động, trung thực, kỷ cương, gương mẫu, tận tâm phục vụ nhân dân trong giải quyết công việc của cán bộ, công chức, nhất là cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận một cửa nhằm bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện các thủ tục hành chính.

IV. Đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Ủy ban nhân dân Phường 1 kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xem xét, quyết định công nhận Phường 1 đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024.

Kèm theo Báo cáo này gồm có:

1. Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu;
2. Tài liệu khác có liên quan.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND phường;
- Lưu: VT, TP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Ngô Hữu Bảy